

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH BẢO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 93/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Tâm

Ông Nguyễn Văn Quyết

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa:** Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T; nơi cư trú: Thôn A, HA, xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Bà Lương Thị G; nơi cư trú: Thôn A, HA, xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt không có lý do

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và bà Lương Thị G kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17-3-2010 tại Ủy ban nhân dân xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống ông bà hòa thuận thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Từ

năm 2019 đến nay vợ chồng ông bà sống ly thân mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Mâu thuẫn giữa ông bà đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Lương Thị G.

Về con chung: Ông và bà Lương Thị G không có con chung

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lương Thị G xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như ông Nguyễn Văn T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hòa thuận hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, mặt khác ông T có lời lẽ xúc phạm đến bà nên đã xảy ra bất hòa. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng ông bà sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Nay ông T xin ly hôn bà không đồng ý

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn T không có con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do, tuy nhiên vi phạm của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Lương Thị G. Về con chung: Ông T và bà G không có con chung nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Lương Thị G không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Bà Lương Thị G có hộ khẩu thường trú tại Thôn A, HA, xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Lương Thị G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Lương Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, tuy nhiên bà G vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T và bà Lương Thị G.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Lương Thị G kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 17-3-2010, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, ông bà hoà thuận được thời gian ngắn thì phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Nay ông T xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, ông đề nghị được ly hôn bà G. Quá trình giải quyết vụ án, bà G không đồng ý ly hôn với ông T. Qua xác minh thì thấy, vợ chồng ông T và bà G có mâu thuẫn, từ năm 2019 đến nay ông bà sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của ông Nguyễn Văn T xin ly hôn bà Lương Thị G phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Lương Thị G không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Lương Thị G không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Lương Thị G.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Lương Thị G không có con chung.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Lương Thị G không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Thủy đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009394 ngày 02 tháng 8 năm 2024. Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Ủy ban nhân dân xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thương Huyền**

